

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **4611/2024/HNGĐ-ST**  
Ngày: 25-9-2024  
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ  
MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Lệ Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Trần Đăng Vạn
- Bà Đặng Thị Thu Oanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Ngọc Huệ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1065/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 6260/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 7409/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1971

Hộ khẩu thường trú: số A H, Khu phố E, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Địa chỉ tạm trú: Số E Đ, Khu phố G, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Xuân K, sinh năm 1963

Hộ khẩu thường trú: số A H, Khu phố E, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Địa chỉ tạm trú: Số E Đ, Khu phố G, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*(Các đương sự đều vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Xuân K có tìm hiểu nhau, tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 10 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Sau khi kết hôn, ông bà sinh sống tại thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận, đến năm 2015 thì thuê nhà và sinh sống ổn định đến nay tại địa chỉ số E Đ, Khu phố G, phường L, thành phố T. Quá trình chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông K thường xuyên ghen tuông vô cớ, chơi cờ bạc nên vợ chồng xảy ra cãi vã, xô xát, ông K thường miệt thị bà nên dần vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, tình cảm lạnh nhạt. Hiện nay, ông bà đã ly thân. Nay bà N cảm thấy không còn tình cảm vợ chồng, không thể hàn gắn đoàn tụ nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Xuân K.

Về con chung: Bà N xác nhận bà và ông K có 02 người con chung tên Nguyễn Đăng K1, sinh ngày 04 tháng 3 năm 1999 và Nguyễn Thủy L, sinh ngày 06 tháng 4 năm 2004 đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập cho ông Nguyễn Xuân K đến Tòa án để trình bày lời khai; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông K đều vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông K và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Xuân K đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật; Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Xác định đúng người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể, về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Mỹ N được ly hôn với ông Nguyễn Xuân K; Về con chung: có 02 người con chung tên Nguyễn Đăng K1, sinh ngày 04 tháng 3 năm 1999 và Nguyễn Thủy L, sinh ngày 06 tháng 4 năm 2004 đều đã trưởng thành; Về tài sản chung và nợ chung: Không có; Về án phí: Bà N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời khai của đương sự trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Mỹ N nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Xuân K, ông K có nơi cư trú tại phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Xuân K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

Bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Nguyễn Xuân K tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 10 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 232, quyển số 02/02 nên hôn nhân giữa bà N và ông K là hợp pháp.

Theo lời khai của bà N, cuộc sống chung hạnh phúc đến giữa năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về tính cách, lối sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, không tìm được tiếng nói chung, tình cảm lạnh nhạt. Hiện nay, vợ chồng đã ly thân, tình cảm vợ chồng không còn nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông K.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Nguyễn Xuân K không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông K không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mặc dù Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định. Điều đó thể hiện việc ông K cố tình bỏ mặc, không còn quan tâm đến hôn nhân giữa ông với bà N. Xét thấy lời khai của bà N là phù hợp với thực tế nêu trên. Mâu thuẫn giữa bà N và ông K đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ N đối với ông Nguyễn Xuân K là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Đăng K1, sinh ngày 04 tháng 3 năm 1999 và Nguyễn Thủy L, sinh ngày 06 tháng 4 năm 2004 đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

#### **1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ N được ly hôn với ông Nguyễn Xuân K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 232, quyển số 02/02, đăng ký ngày 21 tháng 10 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Đăng K1, sinh ngày 04 tháng 3 năm 1999 và Nguyễn Thủy L, sinh ngày 06 tháng 4 năm 2004 đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ N tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2. Về án phí:** Bà Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà N đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng số: 0026507 ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

**3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa** được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Lệ Quyên**